

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật An toàn thông tin mạng;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;
- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định (Khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 5362/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0.
- Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0);
- Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 4294/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định”;

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định về chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 18/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định trong năm 2023;

- Kế hoạch số 02-KH/TU ngày 07/10/2020 của Thành ủy Quy Nhơn về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Quyết định số 3833/QĐ-UBND ngày 01/06/2021 của UBND thành phố về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU của Thành ủy Quy Nhơn về “Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính hướng đến xây dựng Chính quyền điện tử thành phố Quy Nhơn đến năm 2025”;

- Quyết định số 421-QĐ/TU ngày 25/7/2022 của Thành ủy Quy Nhơn về việc thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số thành phố Quy Nhơn; Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 30/9/2022 của Thành ủy Quy Nhơn thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 02/11/2022 của UBND thành phố về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của thành phố Quy Nhơn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đổi mới căn bản và toàn diện công tác chỉ đạo, điều hành; tập trung nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng; xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội và sự hài lòng của người dân trên địa bàn thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu năm 2023

2.1.1. Phát triển chính quyền số

- Xây dựng CSDL Cổng thông tin điện tử thành phố, phường, xã theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định.

- Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 60% đối với cấp thành phố, 55% đối với cấp phường, xã; trên 55% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

- 100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- 100% cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo được tích hợp trên hệ thống phần mềm của tỉnh khi triển khai.

- 95% cơ sở dữ liệu dân cư thuộc đối tượng BTXH được làm sạch; trên 95% hồ sơ mai táng phí người có công thực hiện liên thông với nhóm thủ tục hành chính đăng ký khai tử.

- Hoàn thành 100% hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông cấp xã theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Trên 70% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

2.1.2. Phát triển kinh tế số

Trên 30% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thường xuyên sử dụng các nền tảng số.

2.1.3. Phát triển xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 75%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.

- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả 145/145 Tổ công nghệ số cộng đồng tại thôn, khu phố ở các phường, xã thuộc thành phố.

2.2. Mục tiêu đến năm 2025

2.2.1. Phát triển chính quyền số

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, trên 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

- Trên 85% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

2.2.2. Phát triển kinh tế số

Trên 50% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thường xuyên sử dụng các nền tảng số.

2.2.3. Phát triển xã hội số

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 50%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 85%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 80%.
- Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 90%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, nhằm nâng cao nhận thức của người dân, toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số; huy động sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, hành động đồng bộ ở các cấp đặc biệt là người đứng đầu của các phòng ban, đơn vị, UBND các phường, xã; sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân trong việc thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức truyền thông, lan tỏa sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác chuyển đổi số, các nền tảng số, công nghệ số trên các kênh thông tin, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao thành phố và Đài Truyền thanh phường, xã; trên các trang mạng xã hội Facebook, Zalo OA... của cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc các nội dung Đề án 06 đến các phòng, ban, đơn vị thành phố, UBND các phường, xã nhằm nâng cao nhận thức về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến 2030, đồng thời phục vụ chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính góp phần phục vụ người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về mua sắm trực tuyến tại các sàn thương mại điện tử Việt Nam; khuyến khích đoàn viên, người lao động các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt mua các sản phẩm OCOP Bình Định, OCOP Quy Nhơn cũng như đặt mua sản phẩm của các tỉnh bạn, đơn vị kết nghĩa với thành phố trên sàn thương mại điện tử.

2. Rà soát, hoàn chỉnh các cơ chế về chuyển đổi số

Phối hợp với các sở chuyên môn của tỉnh nghiên cứu rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành quy định, quy chế về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh để phù hợp cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

3. Tiếp tục đầu tư hạ tầng chuyển đổi số

- Tiếp tục duy trì, kết nối đồng bộ mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của thành phố đến 21 UBND phường, xã; đảm bảo chất lượng, an toàn, bảo mật, phục vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Đầu tư trang thiết bị, phát triển hạ tầng chuyển đổi số đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung các ngành của tỉnh.

4. Tập trung tích hợp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu

- Phối hợp xây dựng, tích hợp các hệ thống cơ sở dữ liệu số của các ngành, trong đó ưu tiên sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Bình Định (<https://opendata.binhdingh.gov.vn>) tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đẩy mạnh việc kết nối, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ 05 nhóm tiện ích theo đúng mục tiêu của Chính phủ đề ra trong Đề án 06. Bên cạnh đó, việc kết nối, tích hợp, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phải bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên môi trường số theo quy định pháp luật, không để thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

- Chủ động số hóa, cơ sở dữ liệu về kinh tế, tài chính, đầu tư, tài nguyên đất, giá, dịch vụ... để sẵn sàng tích hợp với hệ thống Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

- Kết nối, chia sẻ thông tin doanh nghiệp trên địa bàn thành phố từ Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp Quốc gia.

5. Phối hợp duy trì, nâng cấp, phát triển các nền tảng, hệ thống cho phát triển Chính quyền số

- Phối hợp trong công tác duy trì nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đối với: Hệ thống Văn phòng điện tử, Hệ thống dịch vụ công, một cửa điện tử; khai thác thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia (dân cư, đất đai, tài chính, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội), phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Phối hợp xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống phục vụ cho phát triển Chính quyền số: Hệ thống quản lý công việc; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống phòng họp không giấy; Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tỉnh; Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh; Hệ thống quản lý đất đai; Hệ thống quản lý công tác đầu tư công của tỉnh; Hệ thống quản lý ngành Tài chính...

- Phối hợp xây dựng, phát triển các nền tảng, hệ thống phục vụ cho phát triển kinh tế số, xã hội số: Hệ thống bản đồ số dùng chung; Hệ thống quản lý khoáng sản; Hệ thống quản lý thông tin trường học; Hệ thống EMR – Bệnh án điện tử; Hệ thống thông tin phòng chống thiên tai; Nền tảng địa chỉ số tích hợp bản đồ số; Triển khai Cổng thông tin du lịch; Hệ thống camera các điểm du lịch; Kết nối, chia sẻ thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ Hệ thống thông tin Đăng ký doanh nghiệp Quốc gia...

- Triển khai hoàn thiện các giải pháp tích hợp, hệ thống phần mềm của Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Quy Nhơn (IOC Quy Nhơn).

6. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, người lao động, đoàn viên

thanh niên, lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng, doanh nghiệp... để nâng cao kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Cử nhân sự chuyên trách/phụ trách an toàn thông tin tham gia các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng xử lý các mối nguy hại của mã độc, kỹ năng về an toàn thông tin.

- Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho người dân và doanh nghiệp (qua Tổ công nghệ số cộng đồng) để ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến.

7. An toàn thông tin mạng

- Duy trì hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng thành phố, tích hợp, bộ phận của Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng tỉnh Bình Định (SOC - Security Operation Center).

- Định kỳ thực hiện đánh giá, rà soát, kiểm tra hạ tầng bảo mật an toàn thông tin trong các cơ quan nhà nước để kịp thời có giải pháp khắc phục khi phát hiện lỗ hổng về bảo mật thông tin.

8. Phát triển Chính quyền số

- Phối hợp triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hình thành Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xác thực danh tính số đối với 25 dịch vụ công thiết yếu trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước mức độ toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Thực hiện nghiêm việc ứng dụng văn phòng điện tử, chữ ký số; thực hiện gửi, nhận văn bản và xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Tổ chức triển khai sử dụng chữ ký số cá nhân để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, đảm bảo giá trị pháp lý của các văn bản điện tử như: hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục điện tử, bệnh án điện tử... Tích hợp chữ ký số vào Cổng dịch vụ công để người dân, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

- Bố trí ngân sách đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, UBND các phường, xã theo kế hoạch, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông; lực lượng “Tổ công nghệ số cộng đồng”.

9. Phát triển Kinh tế số

- Phối hợp triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh; tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân nộp thuế sử dụng các nền tảng số như: Dịch vụ thuế điện tử (eTax Services), ứng dụng nộp thuế điện tử dành cho cá nhân và hộ kinh doanh (eTax Mobile), triển khai lập hóa đơn điện tử từ máy tính tiền tại các nhà hàng ăn uống, giải khát, khách sạn, siêu thị, bán lẻ tân được, hàng tiêu dùng, điểm tham quan... Công giao tiếp cơ quan thuế với người nộp thuế, Bản đồ số hộ kinh doanh...

- Phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, UBND các phường, xã trong việc triển khai, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục - đào tạo thuộc phạm vi quản lý. Vận động, khuyến khích các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán, các doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các hình thức miễn, giảm phí, khuyến mãi, giảm giá... đối với khách hàng khi sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

- Phối hợp với các doanh nghiệp phát triển nền tảng thương mại điện tử và nền tảng địa chỉ số để đẩy mạnh triển khai kế hoạch rà soát, lựa chọn các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ hợp tác (gọi tắt là hộ sản xuất nông nghiệp) tham gia sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác xúc tiến, thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin và thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn thành phố.

10. Phát triển Xã hội số

- Duy trì hoạt động hệ thống Cổng thông tin điện tử thành phố đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới mọi người dân và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

- củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương. Xây dựng kế hoạch ra quân hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số (Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Thanh toán không dùng tiền mặt; Mua bán, tiếp thị trên sàn thương mại điện tử Việt Nam; kích hoạt, sử dụng ứng dụng VNeID; sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử; sử dụng các nền tảng của đô thị thông minh...).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ ngân sách nhà nước thành phố, tỉnh, xã hội hoá

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND & UBND thành phố, các phòng ban, đơn vị, UBND các phường, xã có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả. Kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND thành phố để theo dõi, chỉ đạo đối với các nội dung khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền (nếu có).

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND & UBND thành phố, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết từng chỉ tiêu, đơn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình, quá trình thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch;

- Tổng hợp kết quả công tác chuyển đổi số của UBND thành phố.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch đã phân công.

2. Văn phòng HĐND & UBND thành phố

- Là đầu mối tham mưu cho UBND thành phố về công tác chuyển đổi số, số hóa dữ liệu đồng bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến/Một cửa điện tử của thành phố và phường, xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố thực hiện rà soát, đánh giá kết quả công tác chuyển đổi số của UBND thành phố hằng năm trình Sở Thông tin – Truyền thông thẩm định theo quy định.

- Phối hợp giám sát tình hình, quá trình thực hiện các dự án, nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch đã phân công.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố

- Tham mưu UBND thành phố cân đối ngân sách của thành phố, ngân sách của Trung ương, tỉnh hỗ trợ, đầu tư để bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước của ngành.

4. Công an thành phố

- Tổ phó thường trực Tổ công tác thực hiện Đề án 06 thành phố chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND & UBND thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; tham mưu UBND thành phố ban hành kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Quy Nhơn trong năm 2023.

- Phối hợp Văn phòng HĐND&UBND thành phố triển khai việc kết nối, tích hợp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch đã phân công.

5. Phòng Kinh tế thành phố

Chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của đơn vị mình. Phối hợp cùng Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố, Văn phòng HĐND & UBND thành phố, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã phân công.

6. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, UBND các phường, xã trong công tác làm sạch dữ liệu dân cư đối với đối tượng chính sách, người cao tuổi, bảo trợ xã hội, người nghèo, hộ cận nghèo, mai táng...

- Chủ động xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của đơn vị mình. Phối hợp cùng Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố, Văn phòng HĐND & UBND thành phố, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã phân công.

7. Chi cục thuế thành phố

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tuyên truyền, vận động và hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân nộp thuế sử dụng các nền tảng số.

- Phối hợp cùng Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố, Văn phòng HĐND & UBND thành phố, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch đã phân công.

8. Thành đoàn Quy Nhơn

- Chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động chuyển đổi số trong tổ chức Đoàn, triển khai cho Đoàn thanh niên đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh mức độ 2 trên ứng dụng VNEID và các hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng theo hướng dẫn của Tỉnh đoàn Bình Định.

- Thực hiện các nhiệm vụ chủ trì theo Kế hoạch đã phân công.

9. Các phòng ban, đơn vị thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 để triển khai thực hiện tại đơn vị mình; phối hợp với Phòng Văn hóa – thông tin thành phố, Văn phòng HĐND & UBND thành phố và các đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ đề ra.

- Thực hiện việc cập nhật thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh, theo dõi và xử lý trách nhiệm đối với các cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính trễ hẹn.

- Định kỳ ngày 30/10 hàng năm báo cáo về tình hình thực hiện Kế hoạch của cơ quan, đơn vị mình cho UBND thành phố (thông qua Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố, đồng gửi Văn phòng HĐND & UBND thành phố) để tổng hợp tham mưu, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

10. Ủy ban nhân dân các phường, xã

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm 2023 của địa phương mình.
- Tăng cường triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh tại cơ quan, đơn vị mình.
- Thực hiện việc cập nhật thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh, theo dõi và xử lý trách nhiệm đối với các cán bộ, công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính trễ hẹn.
- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị mình.
- Chủ động đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng các yêu cầu triển khai các phần mềm ứng dụng chuyên ngành dùng chung, dịch vụ công trực tuyến/một cửa điện tử đã được triển khai.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án đề xuất triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2023 và công tác phối hợp triển khai Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Bình Định đực kèm theo Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số thành phố Quy Nhơn năm 2023 định hướng đến năm 2023. Yêu cầu các phòng ban, đơn vị và UBND các phường, xã triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị thành phố và Chủ tịch UBND các phường, xã kịp thời phản ánh cho UBND thành phố (qua Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố đồng gửi Văn phòng HĐND & UBND thành phố) để phối hợp giải quyết, hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- TT Thành ủy (*báo cáo*);
- TT HĐND TP (*báo cáo*);
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở TTTT Bình Định (*báo cáo*);
- BCĐ Chuyển đổi số thành phố;
- UBMTTQVN và các hội, đoàn thể TP;
- Các phòng ban, đơn vị TP;
- UBND các phường, xã;
- VP (LĐ, CV);
- TTCNTT TP;
- Lưu: VT, C1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Hoàng Nam

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023 CỦA THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Kế hoạch số:61/KH-UBND ngày 31/3/2023 của UBND thành phố)

I. NHIỆM VỤ CHÍNH

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Mô tả	Chủ trì	Phối hợp	Dự toán (triệu đồng)	Thời gian	Ghi chú
1	Nhận thức số						
1.1	Xây dựng kế hoạch tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, người lao động, đoàn viên, thanh niên, doanh nghiệp	Trên 70% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp...	Phòng Nội vụ, P. VHTT	Phòng GDĐT, Chi cục thuế TP, Thành đoàn QN	500	2023	Nguồn tỉnh
1.2	Xây dựng Chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử thành phố và hệ thống truyền thanh thành phố.	Truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; đảm bảo chỉ tiêu về nhận thức số theo Quyết định 922/QĐ-BTTTT 20/5/2022 của Bộ TT&TT	Văn phòng, Trung tâm VHTTTT	Phòng VHTT		2023	
2	Phát triển chính quyền số						
2.1	Đầu tư xây dựng Cổng thông tin điện tử thành phố và UBND các phường, xã là thành phần của Cổng thông tin điện tử tỉnh	Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	UBND phường, xã	3.000	2023	Nguồn tỉnh (chuyển nguồn)
	Đầu tư thiết bị tường lửa, nâng cấp hệ thống giám sát UBND TP và kết nối hệ thống giám sát an toàn thông tin tỉnh và trung tâm giám sát của tỉnh và quốc gia	138/KH-UBND - 18/10/2022 của UBND tỉnh.					

2.2	Cấp thành phố: tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 60%, trên 55% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến	Mục tiêu năm 2023	Văn phòng	Các phòng ban, UBND phường, xã		2023	
2.3	Cấp phường, xã: tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 55%, trên 55% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến	Mục tiêu năm 2023	UBND phường, xã	Các phòng ban		2023	
2.4	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.	Mục tiêu năm 2023	Văn phòng	UBND phường, xã		2023	
2.5	Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện xác thực danh tính số đối với 25 dịch vụ công thiết yếu trên địa bàn thành phố	Mục tiêu năm 2023	Phòng VH TT	Công an TP, Các phòng ban, UBND phường, xã		2023	
2.6	100% cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo được tích hợp trên hệ thống phần mềm của tỉnh khi triển khai.	Mục tiêu năm 2023	Phòng LĐT BXH	UBND phường, xã		2023	
2.7	95% cơ sở dữ liệu dân cư thuộc đối tượng BTXH được làm sạch;	Mục tiêu năm 2023	Phòng LĐT BXH	UBND phường, xã		2023	
2.8	Trên 95% hồ sơ mai táng phí người có công thực hiện liên thông với nhóm thủ tục hành chính đăng ký khai tử.	Mục tiêu năm 2023	Phòng LĐT BXH	Công an TP, UBND phường, xã		2023	
3	Phát triển kinh tế số						
	Tuyên truyền, khuyến khích trên 30% các doanh nghiệp nhỏ và vừa (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) thường xuyên sử dụng các nền tảng số.	Mục tiêu năm 2023	Chi cục thuế	Phòng Kinh tế			

4	Phát triển xã hội số						
4.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.	Mục tiêu năm 2023	Công an TP	Văn phòng		2023	
4.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức khác trên 75%.	Mục tiêu năm 2023	Phòng LĐTBOXH	Văn phòng		2023	
4.3	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.	Mục tiêu năm 2023	Văn phòng	Phòng LĐTBOXH		2023	
4.4	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử trên 80%.	Mục tiêu năm 2023	Phòng Y tế	Văn phòng		2023	
4.5	Thường xuyên kiện toàn, củng cố và duy trì hoạt động mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng” đến từng thôn, khu phố	Mục tiêu năm 2023	Thành đoàn	UBND phường, xã; MTTQVN và các hội, đoàn thể TP		2023	
4.6	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động kết hợp tuyên truyền qua tin nhắn SMS đến từng người dân, hộ dân biết, sử dụng nền tảng số về dân cư, dịch vụ công, thanh toán điện tử...	Xây dựng kế hoạch cụ thể, ưu tiên xây dựng kế hoạch phối hợp với Đoàn các doanh nghiệp viễn thông, CNTT trên địa bàn TP	Thành đoàn	UBND phường, xã; MTTQVN và các hội, đoàn thể TP, Viettel Bình Định		2023	Xã hội hóa
4.7	Triển khai thí điểm mô hình chợ không tiền mặt	Các tiêu thương kinh doanh tại các chợ sử dụng ứng dụng ví điện tử để thanh toán	Phòng Kinh tế thành phố	Ban Quản lý các chợ, UBND phường, xã		2023	Xã hội hóa Viettel Bình Định
4.8	Bố trí kinh phí hỗ trợ lực lượng “Tổ công nghệ số cộng đồng”	Mục tiêu năm 2023	Phòng VHHT	Thành đoàn, Văn phòng, UBND các phường, xã	800	2023	Nguồn mục tiêu tỉnh

5	Nền tảng số, hạ tầng số phát triển chính quyền điện tử						
5.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, cây xanh) và CSDL khai thác thông tin quy hoạch thành phố Quy Nhơn	Xây dựng bản đồ số hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, khai thác thông tin của công dân, tổ chức	Phòng Quản lý đô thị	Văn phòng, Ban Quản lý DVCI, Công ty CP MTBD, Công ty CP CVCX & CSĐT Quy Nhơn	550	2023	Nguồn đầu tư thành phố
5.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thành phố	Xây dựng bản đồ số đất đai phục vụ quản lý, cung cấp dịch vụ công, tích hợp, chia sẻ thông tin đất đai	Phòng TNMT	Văn phòng, UBND phường, xã	100	2023	Nguồn đầu tư thành phố
5.3	Đầu tư hệ thống nhận dạng văn bản để thực hiện số hóa các hồ sơ, tài liệu văn thư lưu trữ, thành phố Quy Nhơn	Nhận dạng văn bản, chuyển hình ảnh văn bản thành dữ liệu văn bản	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	Các phòng ban	1.000	2023	Nguồn tỉnh
5.4	Đầu tư Đài truyền thanh thông minh cấp xã (giai đoạn 2)	Theo quy định của Bộ TTTT tại Thông tư 39/2020/TTBTTT ngày 24/11/2020	Phòng Văn hóa – Thông tin thành phố	TT VHTTTT, UBND các phường, xã	9.000	2023	Nguồn thành phố, tỉnh
5.5	Triển khai hệ thống tuyển sinh lớp 1 và lớp 6 trong 100% các trường trực thuộc ngành Giáo dục thành phố từ năm học 2023-2024	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố	Văn phòng	320/49đv/năm (0,5/đv/tháng)	2023	Nguồn tỉnh
5.6	Thực hiện thu học phí và bảo hiểm y tế không dùng tiền mặt đối với 75% trường tiểu học và THCS thuộc ngành Giáo dục thành phố từ năm học 2023-2024	Theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 18/3/2023 của UBND tỉnh	Phòng Giáo dục & Đào tạo thành phố	Các trường trực thuộc, Văn phòng		2023	Nguồn giao các đơn vị

5.7	Phần mềm quản lý chuyên ngành Phòng Kinh tế thành phố	Quản lý thông tin các chợ; ATTP các cơ sở sản xuất nông nghiệp, công thương; thông tin các sản phẩm OCOP...	Phòng Kinh tế thành phố	Văn phòng	700	2023	Nguồn tỉnh
5.8	Đầu tư thiết bị phục vụ công tác định danh, xác thực dữ liệu dân cư, giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến thẻ Căn cước công dân tại bộ phận một cửa thành phố, phường, xã	Theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 18/3/2023 của UBND tỉnh	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	Các phòng ban, đơn vị thành phố; UBND các phường, xã	500	2023	Nguồn tỉnh
5.9	Triển khai thuê dịch vụ đường truyền số liệu chuyên dụng cấp II đến 21 phường, xã và các phòng ban, đơn vị ngoài trụ sở UBND thành phố	Phục vụ kết nối hệ thống giám sát an toàn thông tin tỉnh với trung tâm giám sát của tỉnh và quốc gia theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ	Văn phòng HĐND & UBND thành phố	UBND các phường, xã	138/năm/21 đv (6,6/đv/tháng)	2023	Nguồn tỉnh

II. NHIỆM VỤ PHỐI HỢP THEO KẾ HOẠCH CỦA UBND TỈNH

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu/Lý do đề xuất	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các nghị quyết, chủ trương, chính sách về chuyển đổi số	Nâng cao nhận thức của người dân, toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của chuyển đổi số	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP;	Quý I/2023
2	Ban hành Bộ chỉ số đánh giá chỉ số DTI của các sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh	Xác định DTI cấp sở, cấp huyện để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan kết quả thực hiện chuyển đổi số hằng năm của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Tỉnh ủy	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP	Quý II/2023
3	Phủ sóng mạng 4G toàn tỉnh phục vụ phát triển xã hội số. Phát triển hạ tầng băng rộng cố định cáp quang đến các thôn bản. Triển khai thí điểm mạng thông tin di động 5G.	Phát triển hạ tầng số, thúc đẩy các dịch vụ IoT, M2M. Triển khai băng rộng di động đến các thôn, bản trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP; Các doanh nghiệp viễn thông	Năm 2023
4	Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của tỉnh thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh.	Phục vụ trao đổi, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.	Sở TT&TT	Cục Bưu điện TW; Các doanh nghiệp viễn thông	Quý I/2023
5	Hệ thống quản lý công việc	Theo dõi nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, quản lý từ cấp tỉnh tới cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, TX, TP	Quý II/2023
6	Hệ thống cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Bình Định	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tỉnh Bình Định. Thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 39 Nghị định số 118/2020/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.	Sở Tư pháp	UBND các huyện, TX, TP	Theo tiến độ của Bộ Tư pháp

7	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh	Đáp ứng theo Văn bản 1273/BTTTT-TTCS ngày 27/04/2021 V/v hướng dẫn về yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin nguồn trung ương và Hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh (Phiên bản 1.0)	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP	Quý I, II/2023
8	Xây dựng Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Đầu tư hệ thống trang thiết bị đa phương tiện phục vụ công tác họp chỉ đạo trực tuyến, triển khai Hệ thống thu thập các thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, TX, TP	Quý II/2023
9	Hệ thống phòng họp không giấy	Đổi mới phương thức làm việc trên cơ sở ứng dụng CNTT, hướng tới nền hành chính hiện đại, không giấy tờ, góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, TX, TP	Quý I, II/2023
10	Triển khai Cổng thông tin du lịch	Cung cấp các thông tin nơi ở, điểm đến tham quan, ẩm thực, mua sắm, giải trí.	Sở Du lịch	UBND các huyện, TX, TP	Quý I, II/2023
11	Số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Thực hiện triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 4023/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023
12	Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số cấp xã	Đầu tư đồng bộ hạ tầng, ứng dụng; đào tạo nhân lực số tại các xã thí điểm để đánh giá, mở rộng mô hình cho toàn tỉnh	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023
13	Xây dựng hệ thống CSDL chuyên ngành	Xây dựng CSDL của các sở, ban, ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh	Sở TT&TT	Các sở, ban, ngành	Quý II/2023
14	Xây dựng Kho dữ liệu số tỉnh Bình Định	Kho dữ liệu số tổng hợp, phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định của cấp có thẩm quyền. Đồng thời, cung cấp cho người dân, doanh nghiệp thông qua Cổng dữ liệu mở của tỉnh	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023-2025

15	Duy trì, nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị Trung tâm THDL tỉnh	Đầu tư, bổ sung trang thiết bị, bản quyền phần mềm hệ thống cho TTHL tỉnh phục vụ các hệ thống dùng chung của tỉnh và trung tâm IOC	Sở TT&TT		Năm 2023
16	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số trong cơ quan nhà nước.		Sở TT&TT, Sở Nội vụ	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023
17	Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp về kỹ năng số ứng dụng vào hoạt động sản xuất, giao dịch trực tuyến.	Sở TT&TT, Tỉnh đoàn	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023
18	Tổ chức diễn tập thực chiến về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin của tỉnh	Triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng; tổ chức ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh.	Sở TT&TT	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023
19	Triển khai các chương trình nâng cao kỹ năng số, năng lực số cho người dân	Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các địa phương. Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Thanh toán không dùng tiền mặt; Mua bán, tiếp thị trên sàn thương mại điện tử Việt Nam; Sử dụng các nền tảng của đô thị thông minh; Biết áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.	Sở TT&TT; Tỉnh đoàn	UBND các huyện, TX, TP	Năm 2023